

Bản án số: 109/2023/DS-PT

Ngày 11-4-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng hứa thưởng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Ông Dương Hùng Quang

Ông Ninh Quang Thế

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Từ Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2023/TLPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng hứa thưởng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 275/2022/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 92/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Hùng C, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân Hoà, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1950 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Bị đơn là bà Lê Thị L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn ông Phạm Hùng C trình bày:*

Vào khoảng năm 2020, bà L có thỏa thuận nhờ ông C tìm người bán đất dùm bà L, nếu bán được giá trên 100.000.000 đồng/01 công thì bà L cho ông C 100.000.000 đồng, nhưng ông C chỉ đồng ý nhận 50.000.000 đồng. Việc thỏa thuận không có làm văn bản nhưng có sự chứng kiến của vợ chồng ông Lê Thanh Hải. Năm 2022, ông C tìm được người để mua đất của bà L nên bà L có trả cho ông 10.000.000 đồng. Số tiền còn lại 40.000.000 đồng bà L hứa sau khi hoàn tất

thủ tục chuyển nhượng đất bà L sẽ trả đủ nhưng bà L không thực hiện. Do đó, ông C yêu cầu bà L trả cho ông C số tiền còn lại là 40.000.000 đồng.

- *Bị đơn là bà Lê Thị L trình bày:*

Bà L thừa nhận vào khoảng giữa năm 2020, bà có nhờ ông C tìm người giới thiệu để bà L bán phần đất của bà do chồng bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm đó bà có ra giá chuyển nhượng là 170.000.000 đồng/01 công, bà L có thỏa thuận với ông C nếu ông C giới thiệu được người sang được đất của bà với giá 170.000.000/01 công thì bà L cho ông C chi phí uống cà phê chứ không có nói số tiền là bao nhiêu. Do ông C nói giá đất cao quá nên không tìm được người mua đất. Vào năm 2022, con bà là Trần Thạch Lì đã đồng ý hạ giá bán đất xuống nên ông C đã tìm được người nhận chuyển nhượng đất nhưng mọi việc thực hiện hợp đồng đều do con bà làm, bà không tham gia việc chuyển nhượng, cũng không có hứa hẹn gì với ông C nữa. Thời điểm người mua đất trả tiền cọc thì ông C có hỏi mượn của anh Lì 10.000.000 đồng, sau đó cả nhà bà thống nhất cho ông C luôn 10.000.000 đồng, xem như trả chi phí ông C tìm người mua đất. Bà xác định không thỏa thuận cho ông C số tiền 50.000.000 đồng nên bà không đồng ý trả cho ông C 40.000.000 đồng như đơn khởi kiện. Hiện nay, việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất vẫn chưa xong, gia đình bà chỉ mới nhận cọc 600.000.000 đồng để trả Ngân hàng xoá thế chấp, bên mua vẫn chưa trả đủ tiền và chưa thực hiện việc sang tên.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 275/2022/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hùng C đối với bị đơn bà Lê Thị L. Buộc bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Hùng C số tiền 40.000.000 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 21/02/2023, bị đơn là bà Lê Thị L kháng cáo yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C và yêu cầu miễn án phí do bà L là người cao tuổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và tranh luận cho rằng do không có chứng cứ chứng minh bà thỏa thuận cho ông C 50.000.000 đồng nên bà không đồng ý trả cho ông C 40.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L về việc không đồng ý trả cho ông C 40.000.000 đồng, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L về phần xin miễn án phí. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà L thừa nhận năm 2020 bà có thỏa thuận nhờ ông C tìm người bán đất dùm bà L. Mặc dù bà L không thừa nhận có nói số tiền thưởng sẽ cho ông C là 50.000.000 đồng nếu ông C tìm được người mua đất của bà L nhưng tại hồ sơ thể hiện lời trình bày của ông Lê Thanh Hải là cháu ruột của bà L và ông Đỗ Minh Dương là người nhận chuyển nhượng đất của bà L đều xác định việc ông C là người giới thiệu ông Dương đến để nhận chuyển nhượng đất của bà L, đồng thời bà L cũng đã trả cho ông C là 10.000.000 đồng khi ông Dương trả tiền đặt cọc cho bà L. Ông Dương cũng thừa nhận khi ông trả tiền cọc cho bà L để nhận chuyển nhượng đất của bà L thì bà L đã đưa cho ông C 10.000.000 đồng và bà L hứa sẽ cho ông C số tiền còn lại. Xét thấy việc thỏa thuận giữa bà L với ông C mặc dù hai bên không có làm văn bản nhưng bà L thừa nhận có hứa cho tiền ông C nếu ông C tìm được người nhận chuyển nhượng đất của bà L. Ông Hải cũng thừa nhận bà L có hứa sẽ cho ông C số tiền 100.000.000 đồng nếu ông C giới thiệu được người nhận chuyển nhượng đất của bà L với giá 170.000.000 đồng/01 công và sau đó bà L có hạ giá chuyển nhượng đất xuống 120.000.000 đồng/01 công và nhờ ông C tìm được người nhận chuyển nhượng bà L sẽ cho ông C 50.000.000 đồng. Đã qua, ông Dương cũng thừa nhận là người nhận chuyển nhượng đất của bà L với giá 120.000.000 đồng do ông C giới thiệu ông Dương cho bà L nên bà L đã trả cho ông C 10.000.000 đồng. Việc nhận chuyển nhượng đất giữa ông Dương và bà L đã thực hiện xong. Như vậy lời trình bày của ông C là phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ. Vì vậy bản án sơ thẩm buộc bà L trả cho ông C 40.000.000 đồng là có cơ sở.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí, tại cấp sơ thẩm, bà L không làm đơn xin miễn án phí. Tại cấp phúc thẩm, bà L kháng cáo và có đơn xin miễn án phí do bà L là người cao tuổi được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà L, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời về phần án phí.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị L.

*Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 275/2022/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hùng C đối với bị đơn bà Lê Thị L. Buộc bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Hùng C số tiền 40.000.000 đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị L được miễn nộp. Ông Phạm Hùng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông C đã dự nộp 1.000.000 đồng tại biên lai thu số 0004526 ngày 14/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị L được miễn theo quy định.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN –  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Hùng Quang**

**Ninh Quang Thế**

**Bùi Thị Phương Loan**



